

THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT TẠO ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

✍ MINH PHƯƠNG



(Ảnh minh họa, nguồn: Internet).

Quốc hội ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Thành lập, điều hành doanh nghiệp từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập được thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức đó sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng.

Khi được sự đồng ý của người đứng đầu

tổ chức, viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức đó thành lập hoặc tham gia thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức đó tạo ra.

Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.

Chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn trách nhiệm dân sự khi gây ra thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước khi đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, quy trình và nội dung nghiên cứu đã được thuyết minh nhưng không đi đến kết quả như dự kiến thì không phải hoàn trả lại kinh phí đã sử dụng.

Khoán chi trong thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Kinh phí từ ngân sách nhà nước cho thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện khoán chi, trừ kinh phí chi mua tài sản được trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thuê dịch vụ thuê ngoài và đoàn đi công tác nước ngoài.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng khi tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có cam kết về sản phẩm của nhiệm vụ với chỉ tiêu chất lượng chủ yếu cần đạt được.

Trên cơ sở dự toán kinh phí tại thuyết minh nhiệm vụ do tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng, cơ quan có thẩm quyền thẩm định và quyết định kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ xác định mức kinh phí khoán đối với các nội dung chi được khoán. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc sử dụng kinh phí khoán; được điều chỉnh các nội dung chi; được quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm; chịu trách nhiệm giải trình khi cơ quan chức năng yêu cầu.

Hoạt động chuyển đổi số quốc gia:

Sử dụng ngân sách trung ương triển khai các nền tảng số dùng chung và chỉ định thầu các dự án chuyển đổi số

Ngân sách trung ương được sử dụng để đầu tư, mua sắm, thuê, duy trì, vận hành, bảo trì các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng để các cơ quan, tổ chức của trung ương, địa phương sử dụng, khai thác chung nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí.

Quy trình, thủ tục bố trí kinh phí đầu tư,



(Ảnh minh họa, nguồn: Internet).

mua sắm, thuê, duy trì, vận hành, bảo trì các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng để sử dụng chung cho các cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh 5G

Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G toàn quốc được quy định như sau:

Doanh nghiệp viễn thông triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G phải đạt tối thiểu 20.000 trạm phát sóng 5G được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tổng số tiền hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông không vượt quá tổng số tiền trúng đấu giá của các cuộc đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thực hiện trong năm 2024.

Mức hỗ trợ một trạm phát sóng 5G là 15% chi phí thiết bị bình quân cho một trạm phát sóng 5G được mua trong năm 2025 của các doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ.

Thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp

Thí điểm có kiểm soát triển khai dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp được quy định như sau:

- Thí điểm có kiểm soát đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình mạng viễn thông vệ tinh sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp tại Việt Nam trên nguyên tắc bảo đảm quốc phòng, an ninh, trong đó không giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc tỷ lệ đóng góp của nhà đầu tư nước ngoài;

- Thí điểm cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp thay thế cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho người sử dụng thiết bị đầu cuối.

Việc thí điểm nêu trên do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhưng không quá 5 năm. Việc thí điểm phải kết thúc trước ngày 01 tháng 01 năm 2031...

Hỗ trợ tài chính xây dựng nhà máy đầu tiên để phục vụ nghiên cứu, đào tạo và sản xuất chip bán dẫn

Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư xây dựng dự án nhà máy đầu tiên được lựa chọn để chế tạo chip quy mô nhỏ, công nghệ cao phục vụ nghiên cứu, đào tạo, thiết kế, chế tạo thử, kiểm chứng công nghệ và sản xuất chip bán dẫn chuyên dụng của Việt Nam

theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư dự án trực tiếp từ ngân sách trung ương trong trường hợp nhà máy nghiệm thu đưa vào sản xuất trước ngày 31 tháng 12 năm 2030. Tổng mức hỗ trợ không vượt quá 10.000 tỷ đồng;

- Trong thời gian chuẩn bị và thực hiện dự án, hằng năm được trích lập cao hơn 10% nhưng tối đa không quá 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để bổ sung cho dự án. Tổng số tiền trích lập không vượt quá tổng mức đầu tư của dự án.

Được giao đất bằng hình thức giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Thủ tướng Chính phủ quyết định lựa chọn doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ và quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp đó. Các chính sách hỗ trợ quy định tại Điều này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 ■

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ, TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC NĂM 2025

MAI HÀ

Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 986/QĐ-BKHCN ngày 26/5/2025 về ban hành Bộ tiêu chí đánh giá Công thông tin điện tử. Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước năm 2025 gồm 07 tiêu chí, cụ thể như sau:

(1) Kết nối đầy đủ: Công thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử được gắn mã giám sát trên Hệ thống giám sát, đo lường mức độ

cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC) trên cơ sở thông tin được cung cấp theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT. Tiêu chí căn cứ khoản 6 Điều 4 Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT.

- Công thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử có nhãn thể hiện việc đã kết nối với Hệ thống EMC. Căn cứ điểm a khoản 7 Điều



Trang thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

4 Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT.

(2) Cấu trúc, bố cục, hiển thị đầy đủ: Cổng thông tin điện tử có hiển thị đường dẫn tại trang chủ dẫn đến các trang thành phần của cổng. Căn cứ điểm b khoản 7 Điều 4 Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT.

- Trang thông tin điện tử có đường dẫn tại trang chủ đến Cổng thông tin điện tử mà trang trực thuộc. Căn cứ điểm c khoản 7 Điều 4 Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT.

(3) Tính tuân thủ về yêu cầu kỹ thuật trong đặc tả dữ liệu: Đánh giá dữ liệu đặc tả theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT.

(4) Tuân thủ về tên miền: Tuân thủ quy định về tên miền theo Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

(5) Hiệu năng tải trang dành cho trải nghiệm người sử dụng: Thời gian hiển thị nội dung đầu tiên. Thời gian hiển thị nội dung lâu nhất. Thời gian tải nội dung. Thời gian đáp ứng.

(6) An toàn thông tin: Cổng thông tin điện tử phải được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin cấp độ 03 trở lên, ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống.

- Phương án bảo đảm an toàn thông tin của Cổng thông tin điện tử đáp ứng tối thiểu cấp độ 03 theo quy định của pháp luật.

- Cổng thông tin điện tử phải được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng định kỳ, đột xuất theo quy định và trước khi được đưa vào vận hành, khai thác theo quy định tại Điều 11, 12 Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

(7) Xếp hạng Cổng Thông tin điện tử cấp bộ, cấp tỉnh: Xếp hạng Cổng thông tin điện tử cấp bộ, cấp tỉnh được tính theo lượt truy cập (Dữ liệu thu thập từ Hệ thống EMC) ■

TRUYỀN THÔNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025

HỒNG MINH

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 17/4/2025 truyền thông về cải cách hành chính (CCHC) và chuyển đổi số (CĐS) tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

Truyền thông về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về CĐS gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng của tỉnh; truyền thông, phổ biến tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của CĐS; sự cần thiết phải phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, về phát triển kinh tế số và xã hội số, đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp; về vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, về phát triển kinh tế số và xã hội số; truyền thông các nội dung cơ bản của công tác CĐS; biểu dương những đơn vị, địa phương, tập thể, cá nhân đi đầu trong việc triển khai, thực hiện hiệu quả về chuyển đổi số.

Truyền thông, phổ biến các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC; truyền



Chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi
(<https://chuyendoiso.quangngai.gov.vn/>)

thông về vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC ở từng cấp, từng ngành, từng lĩnh vực, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước làm thước đo hiệu quả công tác CCHC; truyền thông, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tình hình triển khai, kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong tổ chức thực hiện các Kế hoạch liên quan đến công tác CCHC gắn với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong năm 2025; truyền thông tình hình triển khai, kết quả, thành tựu và công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền hành chính thông qua việc nâng cao các Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài



Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi

322 lượt thích • 918 người theo dõi

Đăng ký



Fanpage Facebook “Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi”
(<https://www.facebook.com/khoahoccongnghequangngai>).

lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); truyền thông các nội dung cơ bản của công tác CCHC (Cải cách thể chế, Cải cách thủ tục hành chính, Cải cách tổ chức bộ máy, Cải cách chế độ công vụ, Cải cách tài chính công, Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số); truyền thông đến các cơ quan, đơn vị có kết quả nổi bật trong công tác CCHC; các sáng kiến mới, tiêu biểu trong công tác CCHC; tuyên truyền các điển hình tiên tiến trong thực hiện CCHC tại các sở, ngành, đơn vị, địa phương các cấp; đồng thời, phản ánh kịp thời những vấn đề bất cập, tồn tại, khó khăn trong công tác CCHC; Truyền thông việc công khai các địa chỉ, điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về các nội dung liên quan đến TTHC, quy định hành chính, tình

thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức với người dân và doanh nghiệp; truyền thông các quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa nhà nước và Nhân dân; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tham gia và giám sát tiến trình CCHC.

Tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; thực hiện chuyên trang Chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên Báo Quảng Ngãi; duy trì hoạt động chuyên trang điện tử Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên tất cả trang thông tin điện tử thành phần các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh; tuyên truyền,

cập nhật tin, bài về chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên chuyên mục Chuyển đổi số của Cổng thông tin điện tử tỉnh; xây dựng, duy trì, phát sóng chuyên mục/chương trình phát thanh về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở; truyền thông, phổ biến pháp luật, cập nhật, đăng tin, bài, hình ảnh hoạt động, sự kiện về các nội dung chuyển đổi số trên trang Zalo “Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi, Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi”, trang fanpage Facebook “Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi”; tổ chức các sự kiện, hoạt động: Truyền thông, hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia; tổ chức các cuộc thi, hội thi, tọa đàm về chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính trên tại các địa phương trong tỉnh; tổ chức chương trình Bình dân học vụ số; tổ các chương trình phát động về chuyển đổi số trong lực lượng công chức, viên chức; học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số trong đoàn viên, thanh niên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số. Xây dựng các tài liệu, ấn phẩm truyền thông về chuyển đổi số; thực hiện Bản tin điện tử về chuyển đổi số, phát hành trên nền tảng số. Đặt hàng các cơ quan báo chí, truyền thông sản xuất các video clip, phóng sự về chuyển đổi số.

Cập nhật, công bố, công khai các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ban ngành, địa phương; cập nhật thông tin về CCHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; hướng dẫn các cơ

quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền về CCHC; tổ chức Cuộc thi Video Clip tuyên truyền về Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2025 - 2030 gắn với truyền thông CCHC; xuất bản Bản tin số “Cải cách hành chính”, “Chuyển đổi số” để đăng tải trên các nền tảng số; đặt hàng thiết kế poster tuyên truyền về CCHC để đăng tải trên các nền tảng số; đặt hàng sản xuất video clip tuyên truyền nâng cao các chỉ số của tỉnh (PAR INDEX, PCI, PAPI) để đăng tải trên màn hình Led và các nền tảng số; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ có chủ đề về CCHC hoặc lồng ghép chủ đề CCHC; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác CCHC cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; tổ chức tập huấn tuyên truyền pháp luật về CCHC tại các huyện; lồng ghép phổ biến, tuyên truyền pháp luật về CCHC qua các hình thức phù hợp cho các sở, ban ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh; lồng ghép tuyên truyền về CCHC trong các hội nghị, hội thảo chuyên đề, các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các sở, ban ngành, địa phương tổ chức; xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền CCHC trên Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh, Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Chuyên trang trên Báo Quảng Ngãi, sản xuất và phát sóng chuyên mục “Cải cách hành chính”, chuyên mục tuyên truyền nâng cao các chỉ số của tỉnh (PAR INDEX, PCI, PAPI) trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh; truyền thông CCHC trên hệ thống thông tin cơ sở; xuất bản các ấn phẩm; tổ chức tuyên truyền qua hình thức trực quan, cổ động về CCHC ■

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VỀ CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

✍ NGUYỄN TÚ



Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 1004/KH-SKHCN ngày 21/5/2025 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Theo đó, đảm bảo tuyên truyền đầy đủ các mục tiêu trong Đề án đã đề ra, trong đó tập trung tuyên truyền vào các mục tiêu cụ thể như: Năm 2025, 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Sở Khoa học và Công nghệ được truyền thông, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, lợi ích của việc cung cấp và hiệu quả

sử dụng DVCTT; đồng thời, khuyến khích trực tiếp sử dụng DVCTT đã được cung cấp khi có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính (TTHC). 100% cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia thiết kế, quản trị, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công hằng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức chuyên sâu về công nghệ số, kỹ năng số. Thường xuyên cập nhật tin bài, đăng tải tài liệu, video clip, poster... để thực hiện tuyên truyền

trực quan về DVCTT trên Cổng thông tin điện tử thành phần của Sở Khoa học và Công nghệ; Chuyên trang chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi. Các tài liệu, video clip hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng đối với DVCTT thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được cung cấp đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử thành phần của Sở Khoa học và Công nghệ; Chuyên trang chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi. Hằng năm, 100% thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng, tập huấn nhằm cập nhật, nâng cao kiến thức và kỹ năng số để tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân về DVCTT. 100% TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức DVCTT toàn trình. Tối thiểu 90%

☞ người dân hài lòng khi sử dụng các DVCTT do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp. 100% ý kiến đóng góp của người dân khi sử dụng các DVCTT được Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu công khai để cải tiến chất lượng DVCTT.

Đến năm 2030, 100% DVCTT của Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp liên tục cải tiến chất lượng để phục vụ tổ chức và người dân tốt nhất.

Nội dung tuyên truyền, phổ biến gồm: Đường lối, chủ trương của Đảng, cơ chế chính sách, các văn bản pháp luật của Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước các cấp về triển khai DVCTT. Vai trò, ý nghĩa và lợi ích khi sử dụng DVCTT; các quy trình, thời gian xử lý, cách thức truy cập, sử dụng DVCTT; cập nhật những tính năng mới, sự thay đổi về DVCTT để người dân và doanh nghiệp biết, tham gia. Các thông tin về các biện pháp bảo mật và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, các tiêu chuẩn, quy định về bảo vệ dữ liệu, quyền riêng tư, các hướng dẫn giải quyết sự cố thường gặp khi sử dụng DVCTT. Kinh



nghiệm, giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT đã triển khai thành công, có hiệu quả trong thực tiễn tại sở, ban, ngành, địa phương. Biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc Sở triển khai DVCTT chất lượng, hiệu quả; nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong triển khai DVCTT. Các nội dung khác liên quan đến nâng cao nhận thức, chất lượng cung cấp, hiệu quả sử dụng DVCTT ■

PHÁT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC PHONG TRÀO “BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025

✍ NGUYỄN PHƯƠNG

Chủ tịch UBND tỉnh vừa ban hành Kế hoạch số 125/KH-UBND phát động và tổ chức phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

Mục đích nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trực tiếp tham gia thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” đạt hiệu quả cao, bảo đảm sự thành công của công cuộc chuyển đổi số. Tạo khí thế thi đua sôi nổi, cổ vũ, động viên tinh thần, đưa phong trào “Bình dân học vụ số” thành hành động thường xuyên, liên tục, phát triển sâu rộng, đều khắp trên địa bàn toàn tỉnh; tạo



Hướng dẫn người dân là người ân tộc thiểu số sử dụng, khai thác DVCTT.

☞ bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và nâng cao kỹ năng số, đặc biệt cho các đối tượng ở vùng sâu, vùng xa. Huy động các tổ chức, cá nhân và người dân tham gia tích cực phong trào “Bình dân học vụ số” để phổ cập kiến thức về kỹ năng số và trí tuệ nhân tạo đến mọi tầng lớp nhân dân, mọi ngành, mọi lĩnh vực.

Tổ chức Lễ Phát động phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Thực hiện truyền thông sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, các nền tảng mạng xã hội về chuyển đổi số và phong trào “Bình dân học vụ số”, trong đó, tập trung thực hiện tổ chức truyền thông để phổ biến, quán triệt mục tiêu, nội dung Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công; người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã; người dân trong độ tuổi trưởng thành; học sinh từ cấp tiểu học đến trung học và sinh viên; sử dụng Nền tảng bình dân học vụ số (binhdanhocvuso.gov.vn), Nền tảng học trực tuyến mở đại trà MOOCs như: chuyendoiso.mobiedu.vn và các Nền tảng học trực tuyến mở đại trà khác. Đa dạng hóa kênh tuyên truyền từ truyền thông đa phương tiện (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video), podcast, livestream; đặt banner, hình ảnh, đăng tải video trên các trang web, ứng dụng; truyền thông trên trang mạng xã hội (fanface, zalo...) để tiếp cận đến mọi tầng lớp nhân dân. Mở chuyên đề “Bình dân học vụ số” trên chuyên trang Chuyển đổi số của tỉnh (bài viết giới thiệu về AI, hướng dẫn sử dụng AI...). Xuất bản ấn phẩm, video clip, sổ tay điện tử “Bình dân học vụ số” tuyên truyền riêng cho người đồng bào dân tộc thiểu số (dịch ra ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số).

Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn để cập nhật, nâng cao trình độ về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn sử dụng hiệu quả nền tảng

học trực tuyến mở đại trà quốc gia (MOOCs) “Bình dân học vụ số” để đào tạo, bồi dưỡng,



Hướng dẫn học sinh, sinh viên sử dụng Nền tảng bình dân học vụ số.

phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho mọi đối tượng trên địa bàn tỉnh; bảo đảm an toàn, an ninh mạng để triển khai Phong trào. Tổ chức “Ngày hội toàn dân học tập số” vào Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10); kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại các địa phương như tổ chức các hội thảo, tọa đàm, hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở, ngành và đơn vị, cá nhân có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công tác tổ chức, thống nhất kịch bản, chương trình Lễ Phát động; tổ chức Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp huyện và hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã thiết lập điểm cầu Hội nghị trực tuyến cấp huyện, cấp xã để phục vụ các thành phần tham dự Lễ Phát động theo Kế hoạch này.

Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương các phương án, giải pháp tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng theo khung chương trình bình dân học vụ số ■

TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH TỪ NGÀY 01/7/2025

✍ TÍN DŨNG

Từ ngày 01/7/2025, Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế chính thức có hiệu lực, thay thế các quy định trước đây về kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sinh hoạt. Đây là bước điều chỉnh quan trọng, thiết lập hệ thống quy chuẩn và cơ chế kiểm soát mới, đồng bộ hơn nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nước sinh hoạt và an toàn cấp nước.

Quy chuẩn kỹ thuật mới: Mở rộng phạm vi kiểm soát

Thông tư số 52/2024/TT-BYT của Bộ Y tế (sau đây gọi tắt là Thông tư 52) ban hành kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, với 99 thông số đánh giá chất lượng nước sạch. Các thông số chất lượng nước sạch được phân thành nhóm A và nhóm B, nhóm A được yêu cầu kiểm tra hàng tháng, nhóm B kiểm tra định kỳ mỗi 6 tháng đến 1 năm theo quy định tại Điều 4 Thông tư 52. Danh mục này bao gồm các chỉ tiêu vi sinh vật, cảm quan, hóa học, kim loại nặng, hợp chất hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật và phóng xạ.

So với quy định cũ, quy chuẩn mới cập nhật ngưỡng giới hạn theo hướng phù hợp hơn với thực tiễn và mức độ rủi ro của từng chỉ tiêu, và yêu cầu sử dụng phương pháp thử nghiệm hiện đại, đảm bảo độ tin cậy cao hơn trong đánh giá chất lượng nước.

Nội kiểm: Trách nhiệm rõ ràng với tần suất kiểm tra cụ thể

Thông tư quy định đơn vị cấp nước phải thực hiện nội kiểm định kỳ các thông số chất



Thiết bị AAS dùng phân tích kim loại nặng trong nước sạch được trang bị tại Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN tỉnh Quảng Ngãi.

lượng nước như sau:

- Thử nghiệm đầy đủ tất cả thông số: 3 năm/lần (hoặc 5 năm/lần nếu 2 kỳ liên tiếp đạt).

- Nhóm A (vi sinh, cảm quan, pH...): ít nhất 1 lần/tháng.

- Nhóm B: 6 tháng/lần, có thể giảm xuống 1 năm/lần nếu đạt liên tiếp 2 kỳ.

Số lượng mẫu thử nghiệm nội kiểm của đơn vị cấp nước được quy định căn cứ vào công suất thiết kế và quy mô dân số phục vụ như sau:

- Đơn vị cấp nước có công suất thiết kế dưới $1.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm hoặc cung cấp cho dưới 6.500 dân: Lấy ít nhất 01 mẫu tại bể chứa nước sạch đã xử lý của đơn vị cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước và 01 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng cuối mạng lưới cấp nước;

- Đơn vị cấp nước có công suất thiết kế từ $1.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đến dưới $15.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm hoặc cung cấp cho từ 6.500 đến

dưới 100.000 dân: Lấy ít nhất 01 mẫu tại bể chứa nước sạch đã xử lý của đơn vị cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước và 02 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước;

- Đơn vị cấp nước có công suất thiết kế từ 15.000m³/ngày đêm đến dưới 30.000m³/ngày đêm hoặc cung cấp cho từ 100.000 đến dưới 200.000 dân: Lấy ít nhất 01 mẫu tại bể chứa nước đã xử lý của đơn vị cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước và 03 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước;

- Đơn vị cấp nước có công suất thiết kế từ 30.000m³/ngày đêm trở lên hoặc cung cấp cho từ 200.000 dân trở lên: Lấy ít nhất 01 mẫu tại bể chứa nước đã xử lý của đơn vị cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước, 03 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước và thêm 01 mẫu ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước cho mỗi 15.000m³ tăng thêm hoặc cho mỗi 100.000 dân tăng thêm.

Trong trường hợp có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước hoặc tình hình dịch bệnh, số lượng mẫu thử nghiệm phải được tăng thêm theo đánh giá nguy cơ thực tế.

Bên cạnh đó, đơn vị sử dụng nước (như trường học, bệnh viện...) phải thực hiện nội kiểm định kỳ ít nhất 6 tháng một lần, bao gồm việc kiểm tra tất cả các thông số thuộc nhóm A và hai thông số nhóm B là trực khuẩn mủ xanh (*Pseudomonas aeruginosa*) và tụ cầu vàng (*Staphylococcus aureus*).

Minh bạch thông tin và trách nhiệm khắc phục sự cố

Thông tư yêu cầu các kết quả nội kiểm phải được công khai trong vòng 3 ngày làm việc trên website (hoặc niêm yết tại trụ sở nếu không có website). Trường hợp phát hiện chỉ tiêu không đạt, đơn vị cấp hoặc sử dụng nước phải xử lý trong vòng 24 giờ, lấy mẫu thử nghiệm lại và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền nếu vẫn không đạt.

Nếu thông số vi sinh, hóa học hoặc nhiễm

xạ vẫn không đạt sau khắc phục, việc kiểm tra sẽ được lặp lại với tần suất ít nhất hàng tháng trong 3 tháng liên tục để đảm bảo ổn định chất lượng nước.

Ngoại kiểm và giám sát: Thiết lập cơ chế kiểm soát độc lập

Thông tư quy định việc ngoại kiểm được thực hiện ít nhất 1 lần/năm với mọi đơn vị cấp nước. Ngoài ra, có thể kiểm tra đột xuất khi có nghi ngờ về chất lượng, phản ánh từ người dân hoặc sự cố môi trường. Ngoại kiểm sẽ do các cơ quan y tế hoặc đơn vị được ủy quyền thực hiện, độc lập với nội kiểm.

Đối với đơn vị sử dụng nước và hộ dân tự khai thác nước, ngoại kiểm được thực hiện trong các tình huống có nguy cơ ô nhiễm hoặc theo yêu cầu của chính quyền địa phương.

Phân công rõ trách nhiệm, tăng cường năng lực tại địa phương

Thông tư 52 phân cấp rõ trách nhiệm cho UBND cấp tỉnh, Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cấp tỉnh, Trung tâm y tế huyện, đồng thời yêu cầu các địa phương phải ban hành quy chuẩn kỹ thuật nước sạch địa phương trước ngày 31/12/2027.



Thiết bị UV-Vis phân tích các chỉ tiêu hóa lý, hữu cơ trong nước sạch được trang bị tại Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN tỉnh Quảng Ngãi.

Đơn vị cấp nước có trách nhiệm công bố hợp quy, lưu trữ kết quả kiểm tra, báo cáo định kỳ và đảm bảo duy trì chất lượng nước trong mọi tình huống. Đơn vị sử dụng nước và hộ dân phải chủ động kiểm tra, vệ sinh hệ thống lưu trữ nước và hợp tác trong các đợt kiểm tra.

Thông tư 52/2024/TT-BYT mang đến một khung pháp lý toàn diện hơn, kết hợp giữa

quy chuẩn kỹ thuật chặt chẽ, cơ chế kiểm soát ba lớp (nội kiểm - ngoại kiểm - giám sát) và trách nhiệm phân cấp rõ ràng, qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát chất lượng nước sạch tại Việt Nam. Trong bối cảnh tài nguyên nước bị đe dọa bởi ô nhiễm và khai thác quá mức thì đây là bước tiến cần thiết để đảm bảo quyền tiếp cận nước sạch, an toàn cho mọi người dân ■

KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG, NHÃN HÀNG HÓA VÀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

✍ TRINH NỮ



Thanh tra Sở KH&CN kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 77/QĐ-SKHCHN ngày 17/4/2025 kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức kiểm tra tại 14 cơ

sở với tổng số phương tiện đo (PTĐ) được kiểm tra là 15 cân điện tử, tổng số mẫu được kiểm tra đo lường 37 mẫu, tổng số mẫu được lấy để thử nghiệm chất lượng 30 mẫu.

Kết quả kiểm tra về tiêu chuẩn là 09/14 cơ sở có sản xuất, gia công mặt hàng nhãn tròn trơn; 05/14 cơ sở không sản xuất nhãn tròn trơn mà chỉ mua vàng trang sức từ thành phố Hồ Chí Minh về để kinh doanh. Cụ thể: Có 09/14 cơ sở có sản xuất, gia công mặt hàng nhãn tròn trơn thực hiện công bố tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm vàng do cơ sở mình sản xuất. 05/14 cơ sở kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ (không sản xuất, gia công) có tiêu chuẩn áp dụng theo công bố của doanh nghiệp

cung cấp sản phẩm; nội dung của công bố tiêu chuẩn cơ sở đáp ứng được các yêu cầu của Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường và thực hiện lưu giữ đầy đủ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng cho các sản phẩm. 14/14 cơ sở được kiểm tra thực hiện lưu giữ đầy đủ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với các loại sản phẩm đang kinh doanh.

Về đo lường, 14 cơ sở được kiểm tra có sử dụng 15 PTĐ (cân điện tử) để giao dịch với khách hàng có phạm vi đo và độ chính xác phù hợp với khối lượng vàng cần đo, giá trị độ chia kiểm của cân phù hợp với mức cân thực tế trong giao dịch tại cơ sở; 15 cân điện tử được kiểm định định kỳ cân và quả cân đi kèm, giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định vẫn còn thời hạn kiểm định theo quy định. Hầu hết các cơ sở thực hiện tự kiểm tra cân định kỳ hàng tuần và lập hồ sơ theo dõi tình trạng hoạt động của cân điện tử mà cơ sở đang sử dụng; tuy nhiên, có 03 cơ sở chưa thực hiện tốt việc tự kiểm tra cân định kỳ và lập hồ sơ theo dõi tình trạng hoạt động của cân điện tử. Thực hiện cân để xác định khối lượng vàng trang sức, mỹ nghệ đối với 37 mẫu vàng trang sức tại 14 cơ sở, kết quả 100% đạt yêu cầu về đo lường, khối lượng vàng có sai số nằm trong giới hạn cho phép.

Về ghi nhãn hàng hóa, 14/14 cơ sở được kiểm tra đã thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ Quy định về nhãn hàng hoá và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017, Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản

lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường, trong quá trình kinh doanh các cơ sở thực hiện tốt việc ghi những thông tin bắt buộc trên nhãn hàng hóa.

Về sở hữu công nghiệp, qua kiểm tra không phát hiện trường hợp xâm phạm quyền về sở hữu công nghiệp.

Về chất lượng, tiến hành lấy 30 mẫu vàng trang sức của 14 cơ sở sản xuất, kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh để thử nghiệm chất lượng (thử nghiệm hàm lượng vàng). Kết quả có 26/30 mẫu (chiếm tỷ lệ 86,66%) có chất lượng (hàm lượng vàng) phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng; có 04/30 mẫu (chiếm tỷ lệ 13,33%) có hàm lượng vàng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng (hàm lượng vàng thấp hơn so với công bố).

Qua đó xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 cơ sở kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ có hàm lượng vàng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 12.750.000 đồng; đồng thời, buộc 03 cơ sở có mẫu vàng vi phạm về chất lượng thu hồi, tái chế hoặc thay đổi mục đích sử dụng, cả 3 cơ sở đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đồng thời, đoàn kiểm tra đã nhắc nhở, yêu cầu 03 cơ sở chấn chỉnh thiếu sót và hướng dẫn thực hiện việc tự kiểm tra cân định kỳ hàng tuần và lập hồ sơ theo dõi tình trạng hoạt động của cân điện tử.

Tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp trong sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ đã góp phần nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng ■

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM GỪNG SẺ THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TẠI CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI

✎ MINH KHUÊ

Nhằm phát triển vùng nguyên liệu gừng gió (hay còn gọi là gừng sẻ) phục vụ chế biến sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng góp phần tạo sinh kế, tăng thu nhập cho bà con nông dân tại các huyện miền núi, Công ty TNHH Hoàng Linh Biotech đã xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sẻ theo chuỗi giá trị, mở hướng thoát nghèo cho người dân ở miền núi của tỉnh.



Kiểm tra khả năng sinh trưởng của gừng sẻ trồng trong bao.

Gừng sẻ bản địa “kànha” là loại cây gia vị, dược liệu quen thuộc có nguồn gốc trong rừng tự nhiên vùng núi cao, được người Co thôn Trà Ong, xã Trà Quân, huyện Tây Trà (nay là xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng) đưa về trồng trên nương rẫy để dùng làm gia vị và điều trị các bệnh thông thường (ho, cảm, tiêu hóa,...). Giống gừng sẻ bản địa Trà Bồng thuộc loài gừng có xuất xứ và phân bố duy nhất ở vùng núi cao xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng, được đồng bào dân tộc Co di thực về trồng và duy trì qua nhiều năm ở địa phương. Giống có các đặc trưng hình thái, dược liệu và dinh dưỡng khác biệt so với giống gừng sẻ bản địa thu thập ở xã Ba Động, huyện Ba Tơ và gừng Trâu thu thập ở xã Tịnh Ấn Đông, TP. Quảng Ngãi. Công ty TNHH Hoàng Linh Biotech đã triển khai thực hiện dự án ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình

liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sẻ theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. Dự án đánh giá được hiện trạng sản xuất gừng sẻ bản địa ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi; xác định đất đai và khí hậu phù hợp với yêu cầu sinh thái của cây gừng. Kết quả cho thấy diện tích canh tác gừng sẻ còn nhỏ

lẻ, manh mún, điều kiện đầu tư còn thấp, sử dụng kiến thức và kinh nghiệm bản địa nên năng suất chưa cao nhưng hiệu quả kinh tế cao hơn các cây ngắn ngày truyền thống và chưa có liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Để triển khai dự án, Công ty Hoàng Linh Biotech đã phối hợp cùng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ triển khai mô hình nhân giống gừng sẻ trong bao với số lượng 4.000 bao giống, trong đó tại xã Sơn Trà (Trà Bồng) 2.000 bao và xã Sơn Long (Sơn Tây) 2.000 bao. Sau trồng 8 tháng, khối lượng trung bình củ thu được tại Sơn Tây và Trà Bồng lần lượt là 0,13 và 0,12 kg; năng suất củ/bao trung bình tại hai huyện đạt 0,8 kg, cao hơn 10% so với mục tiêu đề ra (0,7 kg/bao).



Công ty TNHH Hoàng Linh Biotech hướng dẫn sơ chế, phân loại gừng tại các nông hộ.

Từ số lượng giống của mô hình nhân giống gừng sẽ trong bao, dự án xây dựng mô hình canh tác gừng sẽ theo hướng hữu cơ với quy mô 10 ha tại xã Sơn Trà (Trà Bồng) và xã Sơn Long, Sơn Tinh (Sơn Tây); trong đó, 3,0 ha trồng thuần; 5,5 ha trồng xen lúa rẫy và 1,5 ha trồng xen ngô, cây ăn quả.

Ở phương thức trồng thuần, qua 2 vụ sản xuất cho thấy: Tổng số củ/bụi dao động trong khoảng từ 1,60 đến 2,15 củ, khối lượng củ trung bình đạt từ 81 đến 95 gam và năng suất thực thu dao động trong khoảng 5.658 - 6.752 kg/ha, cao hơn so với mục tiêu dự án từ 13 - 35 %.

Ông Hồ Văn Nghĩa, hộ dân tham gia mô hình, xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng cho biết, tham gia dự án tôi nhận thấy gừng sẽ trồng rất dễ. Dự án đã hỗ trợ cho tôi 4 tạ giống. Tới mùa thu hoạch, khi gừng rụng lá tôi nhổ thử 01 bụi đạt từ 700 gam đến 800 gam, có bụi đạt đến 1kg - 1,5kg. Năng suất đạt khoảng trên 3 tấn và được công ty thu mua với giá gừng loại một là

50 nghìn, gừng loại hai là 30 nghìn, đem lại số tiền cũng lớn để lo cho con cái học hành.

Phương thức trồng gừng xen ngô và cây ăn quả (bưởi) giai đoạn kiến thiết cơ bản tại huyện Sơn Tây. Qua 2 vụ sản xuất, mô hình trồng xen ngô cho khối lượng củ trung bình đạt 62 - 65 gam; năng suất thực thu đạt 2.580 - 2.654 kg/ha, cao hơn so với mục tiêu của dự án (2,5 tấn/ha) từ 3,2 - 6,16%; mô hình

trồng gừng xen bưởi cho khối lượng trung bình củ đạt 71 - 75 gam; năng suất thực thu đạt 2.693 - 2.784 kg/ha, cao hơn so với mục tiêu của dự án (2,5 tấn/ha) từ 7,72 - 11,36%. Phương thức trồng gừng xen lúa rẫy được triển khai tại huyện Trà Bồng, qua 2 vụ sản xuất, tổng số củ/bụi dao động trong khoảng 1,4 - 1,6 củ. Khối lượng trung bình củ đạt 71 - 76 gam. Năng suất thực thu đạt 2.690 - 3.790 kg/ha, cao hơn so với mục tiêu của dự án (2,5 tấn/ha) từ 7,6 - 51,6%.

Dự án đã xây dựng được chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sẽ thực hiện



Mô hình trồng gừng xen lúa rẫy.

2 niên vụ sản xuất thương phẩm giữa Công ty TNHH Hoàng Linh Bitotech - HTX - Tổ hợp tác. Theo đó, sau khi thu hoạch, Công ty TNHH Hoàng Linh Biotech sẽ bao tiêu toàn bộ sản phẩm gừng tươi nguyên liệu của người dân tham gia Tổ/nhóm liên kết. Đảm bảo thu mua sản phẩm đúng theo quy định, phẩm chất đã cam kết và số lượng thực tế. Tiêu chuẩn phân loại gừng được áp dụng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 10742:2015, củ gừng tươi. Cam kết giá thu mua tại nông hộ: Loại 1 là 50 nghìn đồng/kg, loại 2 là 30 nghìn đồng/kg.

Ông Lương Nhật Ân, cán bộ kỹ thuật Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Sơn Tây cho biết, tham gia mô hình có 05 hộ tham gia 03 mô hình trồng xen cây ăn quả, xen bắp và mô hình trồng thuần. Qua một năm thực hiện, các hộ dân tham gia rất nhiệt tình, đặc biệt là công tác chăm sóc được người dân chú tâm thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật, không dùng các thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học để bổ sung cho cây trồng mà chủ yếu dùng phân hữu cơ như phân bò, phân vi sinh để bổ sung cho cây trồng. Người dân rất thích thú với mô hình này và sẽ tiếp tục đồng hành cùng Công ty Hoàng Linh trong thời gian đến.

Dự án cũng đã xây dựng mô hình sơ chế củ gừng tươi nguyên liệu tại Hợp tác xã SX&KD DV Nông nghiệp Sơn Long và Hợp tác xã NN Sơn Trà với 42.537 kg gừng nguyên liệu, sản lượng gừng loại 1 đạt 34.642 kg. Đồng thời, chế biến 2.965 kg bột gừng khô (độ ẩm $\leq 10\%$). Từ sản phẩm bột gừng, dự án chế biến hai sản phẩm chính là Cốm gừng Tây Trà đông trùng hạ thảo và viên ngậm gừng. Nhân hiệu “Gừng sê (gừng gió) Trà Bồng” được cấp Giấy chứng nhận của Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ). UBND tỉnh chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao



Sản phẩm củ gừng sê sau khi sơ chế, phân loại.

năm 2022 cho sản phẩm gừng sê Trà Bồng của HTX Nông nghiệp Sơn Trà (Trà Bồng). UBND Quận 12, TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao cấp quận năm 2024 cho sản phẩm chế biến “Cốm gừng Tây Trà - Đông trùng hạ thảo” của Công ty TNHH Hoàng Linh Biotech.

Ông Lê Đức Dũng, Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ cho biết: Qua quá trình thực hiện dự án, chúng tôi đánh giá cây gừng sê là cây trồng bản địa thích nghi rất tốt với điều kiện sinh thái của các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. Giá trị dược liệu của cây gừng sê cao hơn so với giống gừng trồng tại các huyện đồng bằng của tỉnh Quảng Ngãi và giá trị kinh tế của cây gừng sê cũng cao hơn so các cây trồng khác, vì vậy trong thời gian tới sau khi chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp và các hợp tác xã của 2 huyện Sơn Tây và Trà Bồng được hình thành thì sản phẩm gừng sê được tiêu thụ ổn định hơn.

Kết quả của dự án góp phần nâng cao nhận thức, năng lực trong tổ chức nhân giống và canh tác gừng sê bản địa theo hướng hữu cơ để thay thế các phương thức tổ chức và canh tác thuần lúa rẫy, sắn, ngô với giá trị kinh tế thấp. Từ đó, dự án mở ra mô hình sinh kế mới, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho bà con vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thúc đẩy phát triển sản xuất hiệu quả và bền vững ■

ỨNG DỤNG PHÂN BÓN NPK CÔNG NGHỆ ECO-NANOMIX TRÊN CÂY TRỒNG TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

TS. NGUYỄN THANH PHƯƠNG
THS. PHẠM PHÚ HƯNG

Thời gian gần đây, công nghệ Nanozyme đã được ứng dụng trong nông nghiệp, đặc biệt là trong sản xuất phân bón và đã cho kết quả tốt trong canh tác. Phân bón công nghệ mới này giúp cho cây tăng cường khả năng quang hợp từ 20-40%, tăng khả năng trao đổi chất, tăng sự phát triển của bộ rễ, to đòng, mập đòng, tăng chiều dài bông và số hạt chắc trên bông lúa, chống đổ ngã,...

Để có cơ sở cho việc sản xuất phân bón NPK công nghệ Eco-Nanomix, Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bình Định đã phối hợp với các Viện, Trường nghiên cứu, khảo nghiệm, ứng dụng trong phòng thí nghiệm và trên đồng ruộng tại các vùng sinh thái trong cả nước theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 12719:2019, Khảo nghiệm phân bón cho cây trồng hàng năm và TCVN 13381-1: 2023: Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lúa) và có nhiều công trình công bố trên các Tạp chí Khoa học chuyên ngành và tại các cuộc hội thảo trong nước và quốc tế từ kết quả của dòng sản phẩm này.

Qua kết quả ứng dụng phân bón NPK công nghệ



Ứng dụng công nghệ Eco-Nanomix vào phân bón NPK.



Phân bón NPK công nghệ Eco-Nanomix trong mô hình tại tỉnh Quảng Ngãi

Eco-Nanomix vào sản xuất cho thấy:

Về thời gian sinh trưởng, một số đặc điểm nông học, sâu bệnh hại và khả năng chống chịu:

Trong vụ Đông xuân 2024-2025, khi sử dụng Phân bón NPK Mật Trời Mới công nghệ Eco-Nanomix cây lúa sinh trưởng phát triển tốt, các chỉ tiêu về chiều cao cây,

- ☛ chiều dài bông ở ruộng mô hình (MH) đều cao hơn so với ruộng đối chứng (Đ/c). Thời gian sinh trưởng của mô hình tương đương với ruộng đối chứng.

- Thời tiết vụ Đông xuân 2024-2025 diễn biến phức tạp, nhất là nhiều đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của cây lúa, các loại sâu bệnh hại có xuất hiện nhưng không đáng kể.
- Khả năng chống chịu: Ruộng mô hình không đổ ngã và ruộng Đ/c có đổ ngã không đáng kể; độ tàn lá ruộng mô hình và Đ/c có độ tàn lá trung bình.

Về năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất:

Số bông hữu hiệu/m² ở ruộng mô hình có thấp hơn ruộng Đ/c một ít nhưng ở mô hình thì dài bông hơn, bông to hơn Đ/c. Bình quân số hạt
- chắc/bông ở ruộng mô hình là 133,0 hạt, cao hơn so với ruộng Đ/c 20,5 hạt (tương ứng tăng 18,2%). Ở ruộng mô hình có khối lượng 1.000 hạt nhỉnh hơn ruộng Đ/c nhưng không đáng kể. Ruộng Đ/c có tỷ lệ lép cao hơn mô hình 8,2%. Năng suất trong mô hình bón NPK Eco-Nanomix là 82,4 - 92,6 tạ/ha, bình quân 85,4 tạ/ha và vượt hơn Đ/c 9,6 tạ/ha tương ứng vượt 12,7%. (Bảng 1)

Bảng 1. Ảnh hưởng của phân bón NPK Eco-Nanomix đến năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của cây lúa vụ ĐX 2024-2025 tại tỉnh Quảng Ngãi.

TT	Địa điểm (xã, huyện/ TP)	Số bông hữu hiệu/ m ²		Hạt chắc/ bông		Tỷ lệ lép (%)		Năng suất khô (tạ/ha)		Tỷ lệ NS tăng so Đ/c (%)
		Đ/c	MH	Đ/c	MH	Đ/c	MH	Đ/c	MH	
1	Đức Hòa - Mộ Đức	412,0	362,0	86,0	108,0	32,6	24,1	76,2	84,1	10,4
2	Hành Thiện-Nghĩa Hành	405,0	411,0	137,0	152,0	33,6	27,6	80,3	92,6	15,3
3	Tịnh Thiện - Quảng Ngãi	367,0	398,0	121,0	142,0	30,6	21,1	73,1	82,5	12,9
4	Tịnh Hòa - Quảng Ngãi	422,0	409,0	106,0	130,0	31,1	22,3	73,6	82,4	12,0
	Bình quân	401,5	395,0	112,5	133,0	32,0	23,8	75,8	85,4	+12,7
	Tăng/ giảm so Đ/c (+/-)		-6,5		+20,5		-8,2		+9,6	



Mô hình Ứng dụng phân bón NPK Eco - Nanomix trên cây lúa tại xã Đức Hòa - Mộ Đức vụ ĐX 2024-2025.

Về hiệu quả kinh tế từ việc ứng dụng phân bón công nghệ mới:

Khi sử dụng Phân bón NPK Mặt Trời Mới công nghệ Eco-Nanomix với chi phí bình quân của mô hình giảm hơn Đ/c là 4,239 triệu đồng/ha (giảm phân bón, giảm lần bón, giảm chi phí phòng trừ sâu, bệnh), tương ứng giảm 10,2%. Cùng với

năng suất tăng 12,7% nên lãi ròng tại mô hình từ 36,698 - 45,788 triệu đồng/ha (bình quân là 39,434 triệu đồng/ha) tăng so Đ/c 12,864 triệu đồng/ha tương ứng tăng 48,4% và tỷ suất lợi nhuận của mô hình đạt 1,05 lần (Đ/c là 0,64 lần) (Bảng 2).



Hội nghị đầu bờ mô hình sử dụng phân bón NPK Eco-Nanomix vụ Đông xuân 2024-2025

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế của phân bón NPK Eco-Nanomix trên cây lúa vụ ĐX 2024-2025 tại tỉnh Quảng Ngãi (Đơn vị tính: Triệu đồng/ha).

TT	Địa điểm (Xã, huyện/ TP)	Tổng chi		Tổng thu		Lãi ròng		Tỷ suất lợi nhuận (lần)		Tỷ lệ lãi tăng so Đ/c (%)
		Đ/c	MH	Đ/c	MH	Đ/c	MH	Đ/c	MH	
1	Đức Hòa - Mộ Đức	41,300	37,300	68,580	75,690	27,280	38,390	0,66	1,03	40,7
2	Hành Thiện-Nghĩa Hành	42,000	37,522	72,270	83,349	30,270	45,788	0,72	1,22	51,3
3	Tịnh Thiện - Quảng Ngãi	42,000	37,522	65,790	74,250	23,790	36,698	0,57	0,98	54,3
4	Tịnh Hòa - Quảng Ngãi	41,300	37,300	66,240	74,160	24,940	36,860	0,60	0,99	47,8
	Bình quân	41,650	37,411	68,220	76,862	26,570	39,434	0,64	1,05	+48,4
	Tăng/ giảm so Đ/c (+/-)		-4,239		+8,642		+12,864		+0,41	
	Tỷ lệ tăng/ giảm so Đ/c (+/-; %)		-10,2		+12,67		+48,4			



Tham quan ruộng mô hình tại xã Tịnh Hòa - TP. Quảng Ngãi vụ Đông xuân 2024-2025.



Ruộng mô hình trên cây lúa tại xã Đức Nhuận - Mộ Đức vụ Đông Xuân 2023-2024.



Ruộng mô hình trên cây Ngô sinh khối tại xã Đức Phú - Mộ Đức vụ Xuân 2024.

Kết quả vụ ĐX 2023-2024 tại huyện Mộ Đức - Quảng Ngãi (năng suất và lãi ròng tăng thêm so Đ/c lần lượt 8,0% và 12,0%), tương đồng với kết quả vụ ĐX 2024-2025 tại Bình Định và Phú Yên lần lượt về năng suất tăng thêm là 20,7% và 17,2%, về lãi ròng tăng thêm là 47,8% và 78,5%. Trong vụ Hè thu 2024 tại huyện Kuin - Đắk Lắk (Tây Nguyên), năng suất lúa tăng 12,5% và lãi ròng tăng 30,2% so với ruộng Đ/c sử dụng phân khác.

Vụ Xuân năm 2024 tại xã Đức Phú - Mộ Đức đã ứng dụng phân bón NPK thể hệ mới công nghệ Eco-Nanomix trên cây ngô sinh khối, ruộng Đ/c sử dụng phân đơn và NPK khác. Kết quả khá rõ, với nghiệm thức bón 2 lần (Giảm 2 lần bón so với Đ/c) năng suất

sinh khối đạt 69,9 tấn/ha tăng hơn Đ/c 3,5 tấn/ha (tương ứng tăng 5,3%) và lãi ròng tăng 11,1%; nếu bón 4 lần thì năng suất tăng 9,2 tấn/ha (tương ứng tăng 13,9%) và lãi ròng tăng 28,8%. Điều này cho thấy, sử dụng phân bón NPK Eco-Nanomix trên cây ngô sinh khối đều cho năng suất và lãi ròng cao hơn ruộng sử dụng phân khác và nếu thiếu lao động thì có thể giảm chi còn 2 lần. Kết quả này cũng giống như công trình công bố tại Hội thảo Công nghệ Sinh học châu Á lần thứ 16 năm 2023: Tại Bình Định, khi bón 1 lần NPK Eco-Nanomix cho cây ngô sinh khối thì năng suất đạt 72,51 tấn/ha, vượt hơn Đ/c (bón 2 lần) là 15,1% và lãi ròng tăng thêm 34,7%.

Ngoài ra, phân bón này còn được áp dụng trên một

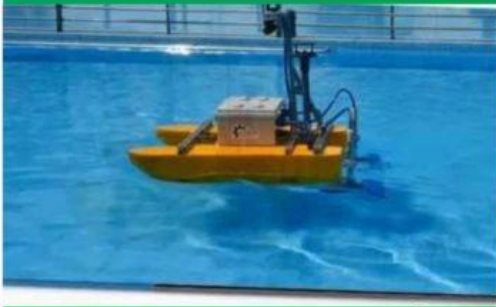
số cây trồng chính khác như: Khoai lang (tại Gia Lai), cây ốt (tại Quảng Ngãi), bầu, bí (tại Bình Định), mè (tại Bình Định), cây ăn quả (bưởi, cam quýt, sầu riêng, dứa,... (tại Bình Định, Đắk Lắk), cao su (tại Bình Phước), keo, bạch đàn (tại Bình Định), hoa cây cảnh (tại Quảng Ngãi),... đã cho kết quả tốt.

Với lượng phân bón ruộng mô hình giảm hơn ruộng Đ/c, điều này đã góp phần giảm khí thải nhà kính CO₂e nhằm hạn chế biến đổi khí hậu. Đồng thời, còn có một số lợi ích khác như kỹ thuật bón đơn giản, hiệu quả, không cần phải phối trộn thêm phân bón khác, ít ảnh hưởng đến môi trường; giá cả hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế tại địa phương và thích hợp cho việc bón phân bằng Drone ■

NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ VÀ CHẾ TẠO ROBOT CÁ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

✍ NGUYỄN HƯƠNG

Sử dụng các công cụ trong quan trắc môi trường nước như robot thông minh là công cụ nhanh, hiệu quả về chi phí, an toàn cho người vận hành; giúp cho các nhà nghiên cứu, cơ quan bảo vệ môi trường và các doanh nghiệp về nuôi trồng thủy hải sản nhìn nhận khách quan về thực trạng môi trường nước hiện tại để tìm ra giải pháp phù hợp. Robot cá quan trắc môi trường là hướng tiếp cận mới, có nhiều yêu cầu về kỹ thuật điều khiển và thiết kế cơ khí nhưng lại có ưu điểm vượt trội về sự cơ động, khả năng sử dụng năng lượng hiệu quả, không tạo ra nhiễu âm thanh và xoáy nước khi vận hành ảnh hưởng đến các sinh vật thủy sinh; do đó, đây là công cụ tiềm năng và hiệu quả trong giám sát môi trường nước.



Robot không người lái di chuyển trên mặt nước.



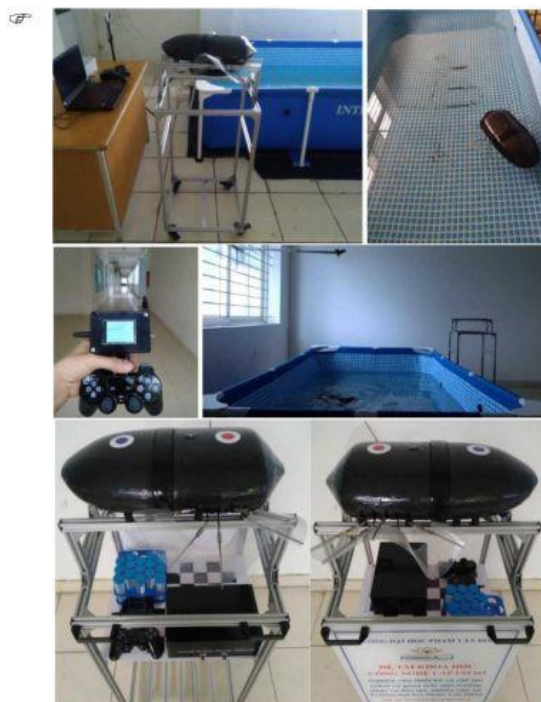
Thiết bị quan trắc môi trường nước.

Để phục vụ cho mục tiêu đào tạo, nghiên cứu ở nhóm ngành Cơ điện tử, Cơ khí; Trường Đại học Phạm Văn Đồng thực hiện đề tài: “Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo robot cá quan trắc môi trường phục vụ đào tạo, nghiên cứu tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng” nhằm hướng đến phục vụ tốt nhất về đào tạo và nghiên cứu để tạo ra sự hào hứng trong học tập, cung cấp kiến thức cập nhật và trang bị kỹ năng đề xuất, cũng như khả năng giải quyết vấn đề cho sinh viên nhà trường.

Với mục tiêu đặt ra, đề tài xây dựng ý tưởng thiết kế là bước đầu tiên của quá trình thiết kế hệ thống cơ điện tử; qua đó nghiên

cứ những ý tưởng thiết kế chính và cơ bản nhất về sản phẩm. Hình dáng bên ngoài, các trang bị chính bên trong, các chức năng hoạt động chính mà robot có được đã được trình bày ở dạng các sơ đồ khối. Từ đó, đề tài thực hiện tính toán thiết kế cơ khí các mô đun đây, mô đun điều chỉnh trọng tâm, thân vỏ robot, khung giá đỡ và mô đun đo mở rộng.

Qua nghiên cứu thiết kế, lựa chọn hệ thống điện, điều khiển và cảm biến, đề tài đã thiết kế sơ đồ kết nối giữa mạch điều khiển trung tâm và các mô đun ngoại vi như các cảm biến, các mô đun giao tiếp, mô đun nạp dữ liệu không dây. Quá trình thiết kế này là



Thử nghiệm khả năng bơi, điều khiển và mô hình hoàn thiện kèm.

rất quan trọng, giúp cho việc thi công, lắp ráp và kiểm tra được thực hiện dễ dàng. Hơn nữa, các sơ đồ được sử dụng để tham chiếu trong các bài thực hành về lập trình.

Đề tài thực hiện mô hình hóa và mô phỏng hệ thống bằng việc giới thiệu tiếp cận mô hình toán học của robot cá sử dụng vây ngực màng uốn lượn trong dạng hình quạt. Nhóm nghiên cứu đề cập đến bài toán cơ bản khi di chuyển trong mặt phẳng; cơ cấu bánh răng và cần lắc tạo ra chuyển động uốn lượn của màng vây chỉ với một động cơ dẫn động cho mỗi vây ngực; đề xuất mô hình lực của Morison để bao gồm các tác động của chất lỏng trên từng đoạn màng vây; thiết lập hệ phương trình vi phân mô tả ba bậc tự do của chuyển động trong mặt phẳng hai chiều. Quá trình mô phỏng được thực hiện nhằm kiểm chứng tính hợp lý của các đề xuất, khả năng hoạt động của robot cá trong một số trường

hợp khác nhau khi có sự thay đổi các tham số và kết quả đạt được khẳng định tính hiệu quả của các đề xuất. Khi robot hoạt động, có thể lựa chọn vùng làm việc với các tham số phù hợp để robot đạt được hiệu quả bơi tốt.

Đề tài tiến hành chế tạo, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống. Các thử nghiệm kiểm tra thực hiện trên mặt đất và dưới nước đạt được các yêu cầu chính đề ra ban đầu. Robot có thể thực hiện các chuyển động bơi tiến, lùi, rẽ trái phải, tự động giữ ổn định các chuyển động Pitch, Roll khi bơi, đo trực tiếp một số thông số nước, bơm lấy mẫu nước. Tuy nhiên, việc thực hiện chuyển động lặn chưa được thực hiện hiệu quả là do điều chỉnh sức nổi và đối trọng chưa hợp lý.

Từ các nghiên cứu trên, đề tài tiến hành xây dựng bài thực hành gồm: Bài thực hành về hệ thống cơ khí-điều khiển và hệ thống cảm biến thu thập dữ liệu trang bị trên robot; bài thực hành về đo đạc một số thông số môi trường nước. Các bài thực hành liên quan đến mô đun trên robot đa dạng và liên quan đến một số môn học chính trong chương trình đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật Cơ điện tử và Công nghệ Kỹ thuật cơ khí; do đó, rất hữu ích và thiết thực giúp sinh viên có kiến thức thực hành cơ bản để từ đó phát triển các kỹ năng chuyên sâu hơn trong môn học liên quan. Nội dung thực hành về cảm biến đo chất lượng nước như TDS và độ đục không được trình bày, tuy nhiên, từ các bài thực hành với cảm biến DO, pH giúp các em có kỹ năng đọc và tự truy xuất các dữ liệu từ các cảm biến để ứng dụng vào các dự án thực tế.

Kết quả đạt được của đề tài được ứng dụng để phục vụ cho việc học tập của sinh viên và công tác nghiên cứu, giảng dạy tại nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo hiệu quả và bền vững. Sản phẩm của đề tài được sử dụng trong công tác quảng bá hình ảnh và phục vụ cho công tác tuyển sinh của nhà trường ■

TUỔI TRẺ QUẢNG NGÃI SÁNG TẠO TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

HÀ ANH

Vượt qua 72 đội thi đến từ 23 trường học trên toàn tỉnh tham gia Cuộc thi Sáng tạo Robot Quảng Ngãi lần thứ III, năm 2025; đội tuyển robot của Trường THPT Lê Trung Đình đã xuất sắc giành giải Nhất tại Cuộc thi. Qua đó, khẳng định vai trò tiên phong, tự tin, làm chủ các công nghệ của thế hệ trẻ trong kỷ nguyên mới.

Tiếp nối thành công của Cuộc thi Sáng tạo Robot Quảng Ngãi lần I (năm 2023) và lần II (năm 2024), Cuộc thi Sáng tạo Robot Quảng Ngãi lần III (năm 2025) với chủ đề “Tuổi trẻ Quảng Ngãi – Sáng tạo trong kỷ nguyên mới” thu hút 275 học sinh tham gia, tăng 19 đội thi và 5 trường so với Cuộc thi năm 2024 và có 6 đội là học sinh của các Trường THCS tham gia.

Cuộc thi không chỉ là sân chơi trí tuệ bổ ích, mà còn là môi trường lý tưởng để học sinh của tỉnh được rèn luyện tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng giao tiếp. Qua đó, thế hệ trẻ chủ động tiếp cận xu hướng công nghệ hiện đại, làm quen với lập trình, robotics và tư duy khoa học, hướng tới làm chủ các sản phẩm công nghệ ứng dụng cao trong tương lai.

Tham gia Cuộc thi năm nay, đội thi Trường THPT Lê Trung Đình mang đến sản phẩm được tích hợp nhiều công nghệ tiên tiến như: Điều khiển song song bằng tay và tự động; cảm biến dò line 5 mắt giúp định hướng chính xác ở tốc độ cao; hệ thống tay gắp 4 servo mạnh mẽ có thể tự động gắp và



Phản dự thi robot của đội Trường THPT Lê Trung Đình.

thả vật thể theo vị trí đã lập trình; khả năng xử lý tình huống linh hoạt, vượt địa hình với 4 bánh truyền động độc lập. Hơn nữa, sự kết hợp giữa cơ cấu phân cứng tinh tế, phần mềm điều khiển linh hoạt và sáng tạo trong thiết kế đã tạo nên một robot hoàn chỉnh, hiệu quả và mang tính thực tiễn cao.

Với thiết kế thông minh, khả năng lập trình tối ưu và sự phối hợp ăn ý, nhịp nhàng giữa các thành viên tại các trận đấu, robot của đội Trường THPT Lê Trung Đình đã hoàn thành trọn vẹn các phần thi với tốc độ nhanh, độ chính xác cao, tính sáng tạo vượt trội và giành giải Nhất tại Cuộc thi năm nay.

Thành tích ấn tượng này của các em học sinh Trường THPT Lê Trung Đình không những thể hiện niềm đam mê về nghiên cứu và sáng tạo công nghệ mà từ đó còn góp phần lan tỏa, truyền lửa tinh thần tích cực học tập, phát huy tư duy sáng tạo và niềm

đam mê khám phá khoa học kỹ thuật trong thế hệ trẻ.

Có thể khẳng định, sau 03 lần tổ chức Cuộc thi đã xây dựng và lan tỏa phong trào nghiên cứu, chế tạo robot trong học đường, hình thành sân chơi trí tuệ bổ ích, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại dựa trên nền tảng khoa học và đổi mới sáng tạo để thế hệ trẻ Quảng Ngãi phát huy vai trò tiên phong, tự tin, làm chủ các công nghệ sản phẩm mới trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ■

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC NÂNG CAO GIÁ TRỊ SẢN PHẨM CỦA DOANH NGHIỆP

✍ NGUYỄN PHƯƠNG

Trong thời đại thông tin bùng nổ, người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến nguồn gốc và chất lượng sản phẩm hàng hóa mà mình sử dụng. Việc đẩy mạnh sử dụng mã số mã vạch, nhãn điện tử, truy xuất nguồn gốc là công cụ quan trọng để nhận diện, ngăn chặn và xử lý tận gốc hành vi gian lận thương mại, góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh.

Thời gian qua, nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh đã chú trọng đăng ký, tạo lập mã vạch, mã QR Code để minh bạch thông tin với người tiêu dùng, giúp người tiêu dùng nắm đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, các công đoạn sản xuất cũng như lợi ích, công dụng của sản phẩm.

Ông Huỳnh Sang, Chủ tịch Hội đồng quản trị HTX Sản xuất và Kinh doanh hàng nông sản Bốn Vân cho biết: Từ năm 2021, Hợp tác xã đã bắt đầu áp dụng mã số mã vạch. Việc ứng dụng công nghệ này đã giúp cho những sản phẩm của Hợp tác xã Bốn Vân dễ dàng đi vào các siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch trong và ngoài tỉnh, góp phần nâng cao uy tín, năng lực cạnh tranh của hợp tác xã trên thị trường.



Khóa đào tạo nhãn điện tử và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Nhằm giúp các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trang bị kiến thức chuyên môn toàn diện về mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc (TXNG) sản phẩm, hàng hóa, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức khóa đào tạo chuyên sâu về nội dung này. Khóa đào tạo thu hút gần 60 học viên

là đại diện các sở, ngành; phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố; cùng đồng đạo các doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Các học viên được tìm hiểu, tiếp cận các thông tin về ứng dụng mã số, mã vạch trong chuỗi cung ứng; xu hướng chuyển đổi từ mã 1D truyền thống sang mã 2D hiện đại, giúp tối ưu hóa quản lý và theo dõi sản phẩm; ứng dụng mã số, mã vạch trong ghi nhãn điện tử và các giải pháp chống giả hiệu quả, bảo vệ thương hiệu và người tiêu dùng; hướng dẫn thiết lập và áp dụng các loại mã truy vết; sử dụng vật mang dữ liệu trong hệ thống TXNG; xây dựng và thực hành ứng dụng TXNG cụ thể cho một số sản phẩm đặc trưng của tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Hữu Sang, Công ty CP Hóa chất Quảng Ngãi chia sẻ: Tham gia khóa học này, giúp bản thân tôi nâng cao kiến thức về nhãn điện tử và TXNG, trang bị cho doanh nghiệp đầy đủ kiến thức cần thiết, đảm bảo về pháp lý và thị trường, chuẩn bị tốt năng lực để tham gia vào chuỗi cung ứng minh bạch. Đồng thời, thông qua khóa học các doanh nghiệp tăng năng lực cạnh tranh và niềm tin khách hàng, thúc đẩy chuyển đổi số trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Và một điều tâm đắc của bản thân đối với khóa học lần này doanh nghiệp sẽ áp dụng như thế nào; riêng tôi thiết nghĩ việc gắn QR vào từng sản phẩm là xu thế hội nhập và tăng tính chuyên nghiệp trong sản phẩm của doanh nghiệp.

Việc đẩy mạnh ứng dụng mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc là yếu tố then chốt giúp các doanh nghiệp địa phương nâng cao năng lực cạnh tranh, không chỉ trên thị trường nội địa mà còn khi hội nhập quốc tế.

Ông Hoàng Xuân Liêm, chuyên gia Trung tâm Mã số, Mã vạch quốc gia cho biết: Hiện



Ông Hoàng Xuân Liêm trao đổi cùng học viên tham gia Khóa đào tạo nhãn điện tử và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

nay, người tiêu dùng ngày càng khắt khe và vận dụng công nghệ trong hoạt động mua bán. Giờ đây, mỗi sản phẩm không chỉ là một hàng hóa, mà còn là một câu chuyện về nguồn gốc, quy trình sản xuất. Sự phát triển của công nghệ mã số, mã vạch của Việt Nam đang dựa trên nền tảng tiêu chuẩn toàn cầu GS1. Các hoạt động mã số mã vạch, QR code là công cụ vật mang dữ liệu qua đó chuyển tải tất cả những thông tin hữu ích đến cho người dùng trong suốt toàn bộ chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất (đầu tiên) cho đến người tiêu dùng (cuối), nó mang tất cả thông tin dữ liệu của cả quá trình sản xuất, cả chuỗi cung ứng đó và thể hiện tất cả những thông tin minh bạch nhất đến cho khách hàng theo chuẩn của truy xuất nguồn gốc. Để đáp ứng xu thế hiện nay, các doanh nghiệp của tỉnh phải “đu” năng lực để ứng dụng vào thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị mình.

Với sự hỗ trợ từ khóa đào tạo chuyên sâu đã góp phần trang bị cho các doanh nghiệp đầy đủ kiến thức cần thiết, quy định pháp lý mới nhất và cách thức triển khai hiệu quả hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đồng thời thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ■

CÔNG BỐ CÁC BÀI TOÁN LỚN VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ANH KHUÊ



Hội nghị thảo luận các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, ĐMST&CDS tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

Thực hiện Công văn số 873/BKHCN-CNCNTT ngày 16/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, ĐMST&CDS của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết; Sở KH&CN đã tổ chức Hội nghị thảo luận các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, ĐMST&CDS tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 với sự tham gia của lãnh đạo các sở, ngành; cùng 12 nhà khoa học đến từ các trường đại học và viện nghiên cứu trên cả nước.

Hội nghị đã tập trung thảo luận và cho ý kiến về danh mục 27 bài toán lớn

Vừa qua, UBND tỉnh đã có công văn gửi Bộ KH&CN công bố 4 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (ĐMST&CDS) của tỉnh.

do các sở, ngành đề xuất. Các bài toán này tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như bảo vệ môi trường, phát triển nông nghiệp bền vững, quản lý đất đai, xây dựng hạ tầng thông minh và phát triển chính quyền số.

Theo PGS.TS Lưu Thế Anh, Viện Trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc Gia Hà Nội cho biết: Để giải quyết những bài toán lớn trong phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, tỉnh Quảng Ngãi cần phải xác định được các giải

pháp chiến lược. Đó là định hướng chuyển đổi số; phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến thuật và các sản phẩm công nghệ chủ lực, đề thúc đẩy và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đồng thời, triển khai giải pháp hoặc công nghệ gắn với bảo vệ môi trường, làm sao xử lý theo hướng thu hồi, tái chế và tái sử dụng các giá trị tài nguyên của chất thải. Ngoài ra, cần quan tâm đến cả bài toán làm giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp,

NÂNG TẦM GIÁ TRỊ SẢN PHẨM ĐỊA PHƯƠNG

 CẨM VÂN

Trong kinh doanh, nhãn hiệu – hay còn gọi là logo – đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giúp người tiêu dùng nhận diện, phân biệt sản phẩm của các doanh nghiệp trên thị trường. Một logo được thiết kế ấn tượng, chứa đựng thông điệp rõ ràng và ý nghĩa sâu sắc không chỉ là biểu tượng hình ảnh, mà còn là cầu nối đưa khách hàng đến gần hơn với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

Logo là "gương mặt" của thương hiệu - nơi khách hàng ghi nhớ, tin tưởng và đồng hành. Không chỉ có giá trị nhận diện, logo còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp khi được đăng ký và bảo hộ độc quyền. Việc bảo hộ nhãn hiệu không chỉ giúp doanh nghiệp khẳng định quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản thương hiệu mà còn là lá chắn pháp lý ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền lợi từ phía các đối thủ khác. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hội nhập, nơi mỗi sản phẩm không chỉ cần chất lượng mà còn cần bản sắc và sự bảo vệ vững chắc.

Về mặt hình thức, một logo dễ đi vào lòng người cần được thiết kế theo hướng



Logo của Công ty TNHH Khoa học công nghệ Nông Tín đạt giải Nhất Cuộc thi “Câu chuyện logo” với chủ đề “Sắc màu logo – Chắp cánh thương hiệu OCOP”.

đơn giản, tinh tế, dễ ghi nhớ và dễ nhận diện. Tuy nhiên, yếu tố quan trọng hơn cả là logo phải có ý nghĩa - đặc biệt đối với các sản phẩm OCOP, logo cần phản ánh rõ nét đặc trưng văn hóa vùng miền, từ chất liệu bản địa, câu chuyện dân gian, đến những giá trị truyền thống được chắt lọc qua thời gian. Người tiêu dùng ngày nay không chỉ mua một sản phẩm, họ còn mua cả câu chuyện phía sau sản phẩm ấy. Đó có thể là một biểu tượng văn hóa, một nét đặc trưng địa phương, hay niềm tự hào của cả một cộng đồng. Qua Cuộc thi “Câu chuyện logo” với chủ đề

“Sắc màu logo - Chắp cánh thương hiệu OCOP” được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức, một câu chuyện thương hiệu được kể qua logo có thể chạm tới cảm xúc của khách hàng, và chính cảm xúc đó là nền tảng bền vững cho sự phát triển dài lâu; góp phần xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng và hiệu quả hơn.

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai nhiều chính sách và hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ phát triển sản phẩm địa phương, trong đó có việc chuẩn hóa các tiêu chí để sản phẩm được công nhận



PGS.TS Lưu Thế Anh, Viện Trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

năng lượng, xây dựng, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp. Có như vậy, mới nâng cao được vị thế của khoa học, công nghệ, ĐMST&CĐS vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

Bên cạnh việc góp ý cho danh mục hiện tại, các nhà khoa học còn đề xuất thêm nhiều hướng nghiên cứu và giải pháp công nghệ mang tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Quảng Ngãi. Trong đó, đáng chú ý là các giải pháp khoa học liên quan đến nông nghiệp xanh, cơ sở dữ liệu tích hợp, trung tâm đổi mới sáng tạo trong khu công nghiệp sinh thái và hệ thống quản trị số toàn diện cho chính quyền địa phương.

GS.TS Võ Xuân Vinh, Viện trưởng viện Nghiên cứu Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh nhận định, thời gian tới, khả năng ứng dụng và khả năng phát triển dựa trên nền

tảng khoa học công nghệ và chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi rất là mạnh mẽ. Bởi tỉnh Quảng Ngãi luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực và quan tâm đầu



GS.TS Võ Xuân Vinh, Viện trưởng viện Nghiên cứu Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

tư, thúc đẩy các sở, ngành, đơn vị đẩy mạnh triển khai thực hiện quá trình chuyển đổi số. Tin rằng, với nguồn nhân lực dồi dào, người lao động có trình độ cao cùng với sự đồng hành của các nhà khoa học, sẽ là tiềm năng thúc đẩy khoa học,

công nghệ, ĐMST&CĐS của tỉnh Quảng Ngãi ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Từ những ý kiến tại Hội nghị thảo luận các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, ĐMST&CĐS tỉnh và trên cơ sở tổng hợp từ 33 đề xuất của các cơ quan, đơn vị, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 3204/UBND-KGVX gửi Bộ KH&CN về việc công bố các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, ĐMST&CĐS của tỉnh. Đó là, xây dựng hệ thống quản lý tổng thể hoạt động xây dựng tỉnh Quảng Ngãi dựa trên nền tảng số; xây dựng

cơ sở dữ liệu tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi; ứng dụng khoa học công nghệ, ĐMST&CĐS để phát triển nông nghiệp xanh, bền vững ■

NÂNG TẦM GIÁ TRỊ SẢN PHẨM ĐỊA PHƯƠNG

 CẨM VÂN

Trong kinh doanh, nhãn hiệu – hay còn gọi là logo – đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giúp người tiêu dùng nhận diện, phân biệt sản phẩm của các doanh nghiệp trên thị trường. Một logo được thiết kế ấn tượng, chứa đựng thông điệp rõ ràng và ý nghĩa sâu sắc không chỉ là biểu tượng hình ảnh, mà còn là cầu nối đưa khách hàng đến gần hơn với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

Logo là "gương mặt" của thương hiệu - nơi khách hàng ghi nhớ, tin tưởng và đồng hành. Không chỉ có giá trị nhận diện, logo còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp khi được đăng ký và bảo hộ độc quyền. Việc bảo hộ nhãn hiệu không chỉ giúp doanh nghiệp khẳng định quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản thương hiệu mà còn là lá chắn pháp lý ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền lợi từ phía các đối thủ khác. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hội nhập, nơi mỗi sản phẩm không chỉ cần chất lượng mà còn cần bản sắc và sự bảo vệ vững chắc.

Về mặt hình thức, một logo dễ đi vào lòng người cần được thiết kế theo hướng



Logo của Công ty TNHH Khoa học công nghệ Nông Tín đạt giải Nhất Cuộc thi “Câu chuyện logo” với chủ đề “Sắc màu logo – Chắp cánh thương hiệu OCOP”.

đơn giản, tinh tế, dễ ghi nhớ và dễ nhận diện. Tuy nhiên, yếu tố quan trọng hơn cả là logo phải có ý nghĩa - đặc biệt đối với các sản phẩm OCOP, logo cần phản ánh rõ nét đặc trưng văn hóa vùng miền, từ chất liệu bản địa, câu chuyện dân gian, đến những giá trị truyền thống được chắt lọc qua thời gian. Người tiêu dùng ngày nay không chỉ mua một sản phẩm, họ còn mua cả câu chuyện phía sau sản phẩm ấy. Đó có thể là một biểu tượng văn hóa, một nét đặc trưng địa phương, hay niềm tự hào của cả một cộng đồng. Qua Cuộc thi “Câu chuyện logo” với chủ đề

“Sắc màu logo - Chắp cánh thương hiệu OCOP” được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức, một câu chuyện thương hiệu được kể qua logo có thể chạm tới cảm xúc của khách hàng, và chính cảm xúc đó là nền tảng bền vững cho sự phát triển dài lâu; góp phần xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng và hiệu quả hơn.

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai nhiều chính sách và hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ phát triển sản phẩm địa phương, trong đó có việc chuẩn hóa các tiêu chí để sản phẩm được công nhận

OCOP, giúp sản phẩm có thêm cơ hội tiếp cận thị trường. Tuy nhiên, từ hoạt động triển lãm và khảo sát thực tế cho thấy, nhiều chủ thể OCOP vẫn chưa đầu tư đầy đủ và bài bản cho hệ thống nhận diện thương hiệu - bao gồm logo, bao bì sản phẩm, và đặc biệt là câu chuyện truyền thông gắn liền với sản phẩm.

Chúng ta đều hiểu rằng, sản phẩm địa phương thường có quy mô nhỏ, sản xuất theo hướng thủ công hoặc bán công nghiệp, nhưng lại có lợi thế lớn về tính độc đáo và giá trị văn hóa. Vì vậy, khách hàng tìm đến sản phẩm OCOP không chỉ để sử dụng, mà còn để trải nghiệm, để trao gửi làm quà tặng, và để chia sẻ những câu chuyện mang đậm bản sắc quê hương. Điều đó đòi hỏi các chủ thể phải biết khai thác và thể hiện những giá trị ấy thông qua thiết kế logo, bao bì, và các kênh truyền thông hiện



Logo Công viên Di sản Làng Gò Cỏ đạt giải Nhì Cuộc thi “Câu chuyện logo” với chủ đề “Sắc màu logo - Chắp cánh thương hiệu OCOP”.

đại như mạng xã hội, video, bài viết sáng tạo,... để tạo dấu ấn trong lòng người tiêu dùng.

Do đó, để phát huy giá trị các sản phẩm OCOP thông qua các nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, tập huấn và phối hợp với các đơn vị chuyên môn hỗ trợ tư vấn cho các doanh

nh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong việc xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, thiết kế logo phù hợp và thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đây không chỉ là bước đi chiến lược giúp sản phẩm OCOP đứng vững trên thị trường, mà còn là cách gìn giữ và lan tỏa giá trị văn hóa bản địa - những viên ngọc quý của mỗi vùng đất quê hương ■



Logo CULAORE đạt giải Ba Cuộc thi “Câu chuyện logo” với chủ đề “Sắc màu logo - Chắp cánh thương hiệu OCOP”.

DOANH NGHIỆP ĐẦU TIÊN Ở ĐÔNG NAM Á SẢN XUẤT THÉP RAY CHO ĐƯỜNG SẮT CAO TỐC

TÚ UYÊN

Tập đoàn Hòa Phát và Tập đoàn SMS group (Đức) đã ký hợp đồng cung cấp công nghệ và dây chuyền sản xuất thép ray và thép hình với công suất 700.000 tấn/năm. Dây chuyền dự kiến hoàn thành trong 20 tháng và cho ra những sản phẩm ray cao tốc đầu tiên vào quý 1/2027.

Đây là hệ thống dây chuyền hiện đại nhất của châu Âu với hệ thống giá cán 4 trục siêu linh hoạt, độ chính xác vượt trội, đảm bảo chất lượng đồng nhất cho sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn về đường sắt cao tốc quốc tế. Hiện tại, 90% dây chuyền cán thép ray trên thế giới sử dụng công nghệ, thiết bị của SMS group. Với việc đầu tư này, Tập đoàn Hòa Phát sẽ trở thành doanh nghiệp duy nhất ở Đông Nam Á sản xuất được thép ray cho đường sắt cao tốc.

SMS group thiết kế, cung cấp, lắp đặt dây chuyền sản xuất thép ray và thép đặc biệt cho Hòa Phát. Quy trình cán ray bao gồm: Lò nung phôi Bloom & Beam Blank; cán thô; cán đảo chiều đa năng; hệ thống quét laser phát hiện lỗi bề mặt và biên dạng sản phẩm tự động; hệ thống kiểm soát chất lượng thép dạng không phá hủy (NDT); hệ thống nắn tinh đảm bảo chất lượng tối ưu; hệ thống tôi đầu ray và hệ thống khoan lỗ ray đồng bộ. Toàn bộ thiết bị chính được sản xuất tại Đức với hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt và đồng bộ, đảm bảo đạt yêu cầu để



Lễ ký kết hợp đồng cung cấp dây chuyền sản xuất thép ray và thép đặc biệt.

sản xuất ray phục vụ cho các loại đường sắt tốc độ cao ở Việt Nam và trên thế giới.

Sản phẩm đầu ra là các loại thép đặc biệt mà chưa doanh nghiệp nào của Việt Nam sản xuất được như: thép ray đường sắt nội độ, ray cầu trục, ray đường sắt cao tốc, hoặc các loại thép hình U, I, H, V và thép đặc biệt, phục vụ các dự án đường sắt trọng điểm quốc gia và xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

Với lợi thế luyện thép từ quặng sắt ít tạp chất, ray thép Hòa Phát sản xuất đạt chiều dài lên đến 100m, độ thẳng, độ phẳng cao, độ cứng ray vượt trội. Hòa Phát kiểm soát hình học thanh ray chuẩn xác bằng thiết bị laser, siêu âm khuyết tật bên trong đảm bảo chất lượng ray thép hoàn hảo

trước khi đưa ra thị trường. Sản phẩm của dự án đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất thế giới, bao gồm EN 3674 (Châu Âu), JIS E1120 (Nhật Bản) và TB/T2344 (Trung Quốc), đáp ứng yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt trong ngành giao thông và công nghiệp nặng.

Theo Phó Chủ tịch phụ trách kinh doanh khu vực APAC-MEA, Tập đoàn SMS group Bernhard Steenken, SMS Group cam kết sẽ cung cấp cho Hòa Phát hệ thống dây chuyền thiết bị chất lượng tốt nhất và đảm bảo tiến độ đề ra. SMS group không chỉ hỗ trợ xây một nhà máy, mà còn muốn đây là một di sản quan trọng cho Hòa Phát cũng như ngành công nghiệp thép của Việt Nam ■

ĐÓNG GIAO DIỆN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG CẤP TỈNH TỪ NGÀY 01/7/2025

ANH KHUÊ

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn 623/TTg-KSTT ngày 30/5/2025 về việc triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất quốc gia.



Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi sẽ chính thức dừng hoạt động từ ngày 01/7/2025 (<https://dichvucong.quangngai.gov.vn/vi/home-qni>).

Theo đó, để đảm bảo việc triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành nền tảng thống nhất, thông suốt, không gián đoạn trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

(1) Đóng giao diện Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh từ ngày 01/7/2025

Cụ thể, các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương:

- Tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong tháng 6/2025;
- Không tiếp tục duy trì giao diện Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh từ ngày 01/7/2025;
- Không duy trì giao diện Cổng Dịch vụ công cấp Bộ chậm nhất đến hết tháng 02/2026, theo đúng chỉ đạo tại Thông báo 19-TB/TGV ngày 09/5/2025.

(2) Nâng cấp hệ thống thông tin thủ tục hành chính

Yêu cầu các cơ quan nâng cấp, phát triển hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia là điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất theo chỉ đạo tại Nghị quyết 124/NQ-CP ngày 08/5/2025.

(3) Rà soát các quy định liên quan

Các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi quy định liên quan đến cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên các hệ thống khác (như: Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia...) nhằm đồng bộ với định hướng vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia ■